

Nghiên cứu

## Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về việc thực hành với bệnh nhân chuẩn tại Trường đại học Y - Dược, Đại học Huế

Nguyễn Hoàng Minh<sup>1</sup>, Đặng Thị Kim Chi<sup>2</sup>, Lê Quang Mẫn<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Mỹ Oanh<sup>1</sup>, Vĩnh Khánh<sup>1,2\*</sup>

<sup>1</sup>Phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

<sup>2</sup>Bộ môn Nội, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

\*Tác giả liên hệ: Vĩnh Khánh, email: vkhanh@huemed-univ.edu.vn

Ngày nhận bài (Received): 21/07/2025; Ngày duyệt đăng (Accepted): 12/05/2026; Ngày duyệt đăng (Published): 28/06/2026

DOI:10.34071/jmp.2026.3.574

### Tóm tắt

**Đặt vấn đề:** Tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, module Thực hành Y khoa (POM) được thiết kế theo hướng giáo dục dựa trên năng lực, giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho thực tập lâm sàng thông qua thực hành với bệnh nhân chuẩn và mô hình mô phỏng.

**Mục tiêu:** Đánh giá sự hài lòng của sinh viên y khoa năm 2 và năm 3 với việc thực hành cùng bệnh nhân chuẩn trong module POM, qua đó đề xuất các giải pháp cải thiện chương trình.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện từ 7 - 9/2024 trên sinh viên y khoa năm 2 và 3 đã hoàn thành học phần Thực hành Y khoa. Cỡ mẫu tối thiểu là 288; thực tế phân tích 318 sinh viên. Dữ liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi xây dựng từ tài liệu trước, đã thẩm định và có độ tin cậy cao (Cronbach's alpha = 0,956), gồm thang Likert 5 mức và câu hỏi mở. Phân tích số liệu bằng SPSS 26 với thống kê mô tả, kiểm định Chi-square ( $p < 0,05$ ) và phân tích chủ đề cho dữ liệu định tính.

**Kết quả:** Trong toàn bộ sinh viên y khoa năm 2 và năm 3, có 318 sinh viên tham gia khảo sát, chủ yếu là nam 2 (63,8%) và nữ (54,1%). Trên 75% sinh viên đồng ý/rất đồng ý rằng bệnh nhân chuẩn giúp cải thiện thực hành, hiểu tình huống, tính thực tế và sự tự tin. Mức độ hài lòng cao với 62,6% hài lòng và 23,3% rất hài lòng; tỷ lệ không hài lòng < 2%. Không ghi nhận khác biệt theo năm học ( $p = 0,220$ ) và giới tính ( $p = 0,316$ ). Có 9,75% sinh viên đề xuất cải thiện, chủ yếu về tăng số lượng, đa dạng và tập huấn bệnh nhân chuẩn.

**Kết luận:** Sinh viên đánh giá cao tính thực tế, sự rõ ràng của tình huống lâm sàng, phản hồi từ bệnh nhân chuẩn. Một số đề xuất cải thiện gồm tăng số lượng bệnh nhân chuẩn, tăng thời gian thực hành, và đa dạng hóa tình huống lâm sàng.

**Từ khóa:** giáo dục y học; bệnh nhân chuẩn; đào tạo dựa trên năng lực

## A survey on student satisfaction with standardized patient practice at University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Nguyen Hoang Minh<sup>1</sup>, Dang Thi Kim Chi<sup>2</sup>, Le Quang Man<sup>1</sup>, Nguyen Thi My Oanh<sup>1</sup>, Vinh Khanh<sup>1,2\*</sup>

<sup>1</sup>Office for Undergraduate Academic Training, Hue University of Medicine and Pharmacy

<sup>2</sup>Department of Internal Medicine, Hue University of Medicine and Pharmacy

### Abstract

**Introduction:** At Hue University of Medicine and Pharmacy, Hue University, the Practice of Medicine (POM) module is designed based on competency-based education to better prepare students for clinical practice through standardized patients and simulation models.

**Objective:** To evaluate the satisfaction of second- and third-year medical students with standardized patient-based practice in the POM module and to propose improvements to the program.

**Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted from July to September 2024 among second- and third-year medical students who had completed the POM module. The minimum required sample size was 288; a total of 318 students were included in the final analysis. Data were collected using a validated questionnaire adapted from previous studies, with high reliability (Cronbach's alpha = 0.956), including 5-point Likert-scale items and an open-ended question. Data were analyzed using SPSS 26 with descriptive statistics, Chi-square tests ( $p < 0.05$ ), and thematic analysis for qualitative data.

**Results:** A total of 318 students participated, mostly second-year (63.8%) and female (54.1%). More than 75% of students agreed or strongly agreed that standardized patients improved clinical practice,

understanding of scenarios, realism, and confidence. Overall satisfaction was high, with 62.6% satisfied and 23.3% very satisfied, while dissatisfaction was below 2%. No significant differences were found by academic year ( $p = 0.220$ ) or gender ( $p = 0.316$ ). A small proportion (9.75%) suggested improvements, mainly increasing the number and diversity of standardized patients and enhancing their training.

**Conclusion:** Students highly valued the realism, clarity of clinical scenarios, and feedback provided by standardized patients. Suggested improvements include increasing the number of standardized patients, extending practice time, and diversifying clinical scenarios.

**Keywords:** *medical education; standardized patients; competency-based medical education.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giáo dục y học, việc đưa mô phỏng vào giảng dạy ngày càng trở nên quan trọng, với nhiều bằng chứng cho thấy phương pháp này không chỉ giúp nâng cao kỹ năng và thái độ của học viên mà còn góp phần cải thiện kết quả điều trị cho bệnh nhân [1]. Giáo dục dựa trên mô phỏng (SBME) bao gồm nhiều phương pháp khác nhau: các kỳ thi lâm sàng có cấu trúc khách quan (OSCE), sử dụng các mô hình với độ chân thực từ thấp đến cao, hoặc phương thức kết hợp, có thể bao gồm mô hình, thiết bị huấn luyện kỹ năng, và bệnh nhân chuẩn [2]. Phương pháp giáo dục này đã và đang được nhiều Trường Y trên thế giới lựa chọn để tích hợp cùng với giáo dục dựa trên năng lực (CBME), một xu hướng đang được chú trọng trong đào tạo y khoa hiện nay trên thế giới [3] và tại Việt Nam [4].

Tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, học phần Thực hành y khoa (POM) đã được triển khai cho sinh viên Y khoa năm thứ hai và thứ ba nhằm đổi mới giáo dục y khoa dựa trên năng lực. Để thực hiện học phần này, Đơn vị Huấn luyện Kỹ năng Lâm sàng được thành lập với nhiệm vụ xây dựng nội dung, triển khai giảng dạy chương trình thực hành kỹ năng lâm sàng dựa trên mô phỏng, thiết kế và vận hành các mô hình mô phỏng, cũng như quản lý, tập huấn và tuyển dụng đội ngũ bệnh nhân chuẩn phục vụ cho công tác giảng dạy. Bên cạnh việc trang bị các thiết bị và mô hình mô phỏng tiên tiến, đội ngũ bệnh nhân chuẩn đã trở thành một phần không thể thiếu trong quá trình giảng dạy. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng tư vấn, và thăm khám lâm sàng. Đội ngũ bệnh nhân chuẩn không chỉ tạo điều kiện cho sinh viên thực hành mà còn cung cấp phản hồi chi tiết và đánh giá hiệu suất của sinh viên. Điều này giúp sinh viên nhận ra những điểm cần cải thiện trong kỹ năng của mình, đồng thời giúp giảng viên đánh giá chính xác khả năng và tiến bộ của sinh viên. Mục tiêu cuối cùng là nâng cao an toàn cho bệnh nhân bằng cách giảm thiểu các sai sót y khoa trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Để hoàn thiện công tác tập huấn và phát triển bệnh nhân chuẩn, việc tiến hành khảo sát sự hài lòng của sinh viên trong quá trình thực tập với bệnh nhân chuẩn là vô cùng cần thiết. Khảo sát này sẽ cung cấp những thông tin quan trọng về trải nghiệm thực tế của sinh viên, từ đó giúp nhà trường hiểu rõ hơn về hiệu quả của việc sử dụng bệnh nhân chuẩn trong giảng dạy và đưa ra các điều chỉnh kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Do đó chúng tôi thực hiện đề tài “Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về việc thực hành với bệnh nhân chuẩn tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế” với 2 mục tiêu:

- *Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên Y khoa năm 2 về việc thực hành với bệnh nhân chuẩn trong module Thực hành Y khoa (POM) tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.*

- *Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quá trình thực hành của sinh viên với bệnh nhân chuẩn trong module POM.*

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

#### 2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

Sinh viên y khoa năm 2 và năm 3 đã hoàn thành học phần Thực hành Y khoa tại Đơn vị Huấn luyện Kỹ năng Lâm sàng trong năm học 2023-2024

#### 2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

Những sinh viên không thuộc đối tượng nghiên cứu bao gồm:

- Sinh viên y khoa chưa hoàn thành học phần Thực hành Y khoa.

- Sinh viên y khoa đã hoàn thành học phần Thực hành Y khoa nhưng thuộc các năm học khác.

- Sinh viên các ngành học khác.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang nhằm đánh giá sự hài lòng của sinh viên y khoa về việc thực hành với bệnh nhân chuẩn tại Đơn vị Huấn luyện Kỹ năng Lâm sàng. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2024.

### 2.3. Cỡ mẫu nghiên cứu

Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:  $Z_{1-\frac{\alpha}{2}} = 1,96$  ( $\alpha = 0,05$ ), sai số cho phép  $d = 0,05$ ,  $p = 0,75$  (75%) dựa trên một nghiên cứu trước đây ghi nhận tỷ lệ sinh viên có mức độ hài lòng cao sau khi thực hành với bệnh nhân chuẩn. Theo công thức trên, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 288 sinh viên. Nghiên cứu áp dụng phương pháp lấy mẫu toàn bộ sinh viên y khoa năm 2 và năm 3. Thực tế, có 322 sinh viên tham gia khảo sát; sau khi loại bỏ các phiếu không hoàn chỉnh hoặc không hợp lệ, 318 sinh viên được đưa vào phân tích cuối cùng.

#### 2.4. Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

##### 2.4.1. Phương pháp thu thập số liệu

Bộ câu hỏi khảo sát sự hài lòng đã được xây dựng dựa trên các nghiên cứu trước đây [5-7] về trải nghiệm thực hành với bệnh nhân chuẩn. Các câu hỏi được lựa chọn và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh đào tạo, sau đó được thẩm định nội dung bởi các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục y học và thử nghiệm trên một nhóm sinh viên tình nguyện. Độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha, đạt giá trị 0,956. Bộ câu hỏi gồm hai phần: (1) thông tin đặc điểm của đối tượng nghiên cứu; và (2) trải nghiệm thực hành với bệnh nhân chuẩn, bao gồm 4 câu hỏi

sử dụng thang đo Likert (1: Rất không đồng ý đến 5: Rất đồng ý) và 1 câu hỏi mở nhằm thu thập các ý kiến đề xuất bổ sung của sinh viên.

##### 2.4.2. Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu thu thập được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS Statistic 26. Các thống kê mô tả được sử dụng để trình bày đặc điểm mẫu nghiên cứu. Kiểm định Chi-square được áp dụng để so sánh sự khác biệt giữa các nhóm, với mức ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ . Các ý kiến thu thập từ câu hỏi mở được tổng hợp và phân tích bằng phương pháp phân tích nội dung. Các ý kiến từ câu hỏi mở được phân tích bằng phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis). Các phản hồi được đọc lặp lại để làm quen với dữ liệu, sau đó được mã hóa các đơn vị ý nghĩa và nhóm thành các chủ đề dựa trên nội dung tương đồng. Quá trình mã hóa được thực hiện độc lập bởi hai nhà nghiên cứu; các khác biệt được thảo luận và thống nhất nhằm đảm bảo độ tin cậy. Kết quả được trình bày dưới dạng các nhóm ý kiến tiêu biểu nhằm bổ sung và làm rõ cho các kết quả định lượng.

##### 2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi đã được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y Sinh của Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế chấp thuận (mã số phê duyệt H2024/616). Tất cả các phương pháp đều được thực hiện phù hợp với tuyên bố Helsinki.

### 3. KẾT QUẢ

#### 3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sinh viên năm	Năm 2	63,8
	Năm 3	36,2
Giới tính	Nam	45,9
	Nữ	54,1

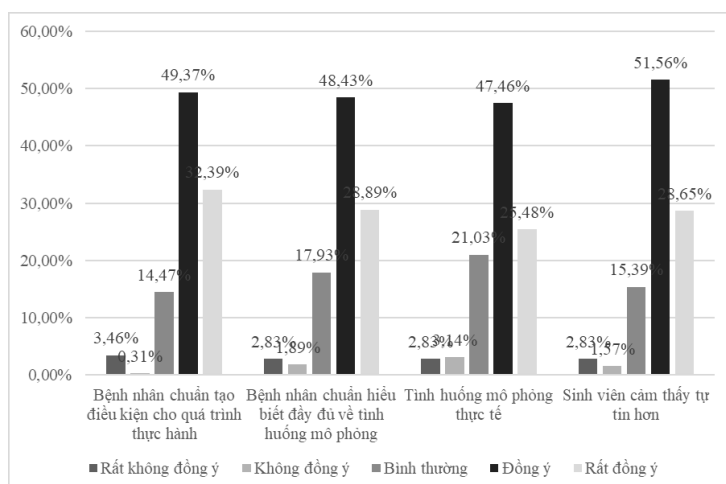
Trong tổng số 318 sinh viên tham gia nghiên cứu, đa số sinh viên đang học năm 2 (63,8%) và số lượng sinh viên nữ nhiều hơn nam với tỷ lệ lần lượt là 54,1% so với 45,9% (Bảng 1).

#### 3.2. Mức độ hài lòng của sinh viên Y khoa về việc thực hành với bệnh nhân chuẩn

##### 3.2.1. Trải nghiệm thực hành với bệnh nhân chuẩn của sinh viên y khoa

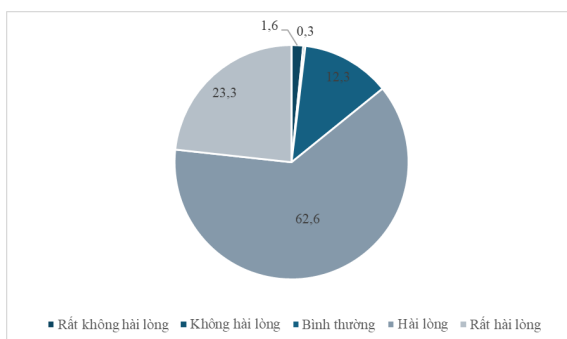
Sinh viên thể hiện mức độ đồng thuận cao đối với việc sử dụng bệnh nhân chuẩn trong thực hành kỹ năng lâm sàng (Biểu đồ 1). Cụ thể, 49,37% sinh viên

'Đồng ý' và 32,39% 'Rất đồng ý' với nhận định rằng bệnh nhân chuẩn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hành. Tương tự, 48,43% sinh viên 'Đồng ý' và 28,89% 'Rất đồng ý' rằng phương pháp này giúp họ hiểu rõ hơn các tình huống mô phỏng. 47,46% sinh viên 'Đồng ý' và 26,48% 'Rất đồng ý' về tính thực tế của kịch bản mô phỏng. Ngoài ra, 51,56% sinh viên 'Đồng ý' và 28,65% 'Rất đồng ý' rằng việc thực hành với bệnh nhân chuẩn giúp tăng cường sự tự tin của họ trong quá trình thực hành.



**Biểu đồ 1.** Trả nghiệm thực hành với bệnh nhân chuẩn của sinh viên y khoa

### 3.2.2. Mức độ hài lòng chung của sinh viên y khoa khi thực hành với bệnh nhân chuẩn



**Biểu đồ 2.** Mức độ hài lòng của sinh viên y khoa khi thực hành với bệnh nhân chuẩn

Đa số sinh viên được khảo sát thể hiện mức độ hài lòng cao, với 62,6% cảm thấy hài lòng và 23,3% rất hài lòng (Biểu đồ 2). Ngược lại, tỷ lệ sinh viên không hài lòng chỉ chiếm một phần nhỏ, với 0,3% không hài lòng và 1,6% rất không hài lòng.

### 3.2.3. Mức độ hài lòng của sinh viên theo năm học và giới tính

**Bảng 2.** Mức độ hài lòng của sinh viên khi thực hành với bệnh nhân chuẩn theo năm học và giới tính

Đặc điểm chung của sinh viên	Mức độ hài lòng khi thực hành với bệnh nhân chuẩn					p	
	Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng		
Sinh viên năm	Năm 2	1 (0,45%)	0 (0%)	26 (11,71%)	137 (61,71%)	58 (26,13%)	0,220
	Năm 3	2 (2,08%)	1 (1,04%)	14 (14,56%)	63 (65,65%)	16 (16,67%)	
Giới tính	Nam	3 (2,04%)	1 (0,68%)	23 (15,65%)	85 (57,82%)	35 (23,80%)	0,316
	Nữ	2 (1,17%)	0 (0%)	17 (9,94%)	115 (67,25%)	39 (22,80%)	

Mức độ hài lòng khi thực hành với bệnh nhân chuẩn nhìn chung cao ở cả hai năm học và hai giới. Phần lớn sinh viên lựa chọn mức 'Hài lòng' và 'Rất hài lòng'. Không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ hài lòng theo năm học ( $p = 0,220$ ) cũng như theo giới tính ( $p = 0,316$ ). Tuy nhiên, sinh viên năm thứ 2 và sinh viên nữ có xu hướng lựa chọn mức 'Rất hài lòng' cao hơn so với sinh viên năm thứ 3 và sinh viên nam (Bảng 2).

### 3.3. Đề xuất và phản hồi của sinh viên trong quá trình thực hành với bệnh nhân chuẩn

**Bảng 3.** Đề xuất của sinh viên liên quan đến số lượng và tập huấn bệnh nhân chuẩn

Chủ đề	n (%)	Trích dẫn đề xuất
Tăng số lượng và đa dạng hóa thể trạng của bệnh nhân chuẩn	14 (4,40%)	"Tăng số lượng bệnh nhân chuẩn để sinh viên có nhiều cơ hội thực hành hơn"
Tập huấn cho bệnh nhân chuẩn	9 (2,83%)	"Cần tập huấn kỹ hơn để phản hồi sát thực tế"
Tăng thời gian thực tập với bệnh nhân chuẩn	4 (1,26%)	"Thời lượng thực hành cần kéo dài hơn"
Đa dạng tình huống lâm sàng	3 (0,94%)	"Cần thêm nhiều tình huống thực tế"
Tiến hành đánh giá OSCE	1 (0,31%)	"Nên ghi hình để thuận tiện cho phúc khảo"
<b>Tổng cộng</b>	<b>31 (9,75%)</b>	

Trong tổng số 318 sinh viên tham gia khảo sát, có 31 sinh viên (9,75%) đưa ra đề xuất nhằm cải thiện hoạt động thực hành với bệnh nhân chuẩn. Phân tích chủ đề cho thấy các đề xuất tập trung chủ yếu vào việc tăng số lượng và đa dạng hóa bệnh nhân chuẩn (14/318; 4,40%), tiếp theo là cải thiện công tác tập huấn bệnh nhân chuẩn (9/318; 2,83%). Các chủ đề khác bao gồm tăng thời gian thực hành (4/318; 1,26%), đa dạng hóa tình huống lâm sàng (3/318; 0,94%) và cải tiến hình thức đánh giá OSCE (1/318; 0,31%) (Bảng 3).

## 4. BÀN LUẬN

### 4.1. Mức độ hài lòng của sinh viên Y khoa về việc thực hành với bệnh nhân chuẩn

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên hài lòng với hoạt động thực hành với bệnh nhân chuẩn ở mức cao (85,9%), tương đồng với xu hướng chung trong các nghiên cứu quốc tế. Ví dụ, nghiên cứu của Hong và cộng sự (2020) ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về năng lực chuyên môn và giao tiếp sau can thiệp với bệnh nhân chuẩn [5], trong khi Walker và cộng sự (2015) cho thấy hơn 80% sinh viên báo cáo tăng tự tin sau các buổi mô phỏng lâm sàng [11]. Sự tương đồng này cho thấy hiệu quả của mô hình bệnh nhân chuẩn có tính ổn định giữa các bối cảnh đào tạo khác nhau.

Mức độ hài lòng cao có thể được lý giải bởi tính "an toàn tâm lý" của môi trường mô phỏng. Theo Nestel và Bearman (2015), việc học trong môi trường không gây áp lực giúp sinh viên dễ dàng thử nghiệm, mắc lỗi và học hỏi từ sai sót [10]. Điều này đặc biệt phù hợp với bối cảnh Việt Nam, nơi sinh viên thường có xu hướng e ngại khi thực hành trên bệnh nhân thật do yếu tố văn hóa (tôn trọng thầy thuốc, sợ sai sót). Vì vậy, bệnh nhân chuẩn đóng vai trò như một "cầu nối" giúp chuyển tiếp từ học lý thuyết sang thực hành lâm sàng thực tế.

Bên cạnh đó, khả năng cung cấp phản hồi trực tiếp là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao mức độ hài lòng. Theo Spencer và cộng sự (2000), phản hồi từ người bệnh giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về hành vi giao tiếp và thái độ nghề nghiệp [12]. Nghiên cứu của Herge và cộng sự (2013) cũng nhấn mạnh rằng phản hồi từ bệnh nhân chuẩn giúp cải thiện không chỉ kỹ năng chuyên môn mà còn năng

lượng thấu cảm [13]. Điều này giải thích vì sao trong nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên đánh giá cao khía cạnh phản hồi, một yếu tố ít có được trong môi trường lâm sàng thực tế tại Việt Nam, nơi thời gian giảng dạy và giám sát thường bị hạn chế do quá tải bệnh nhân.

Tuy nhiên, mức độ hài lòng cao không đồng nghĩa với hiệu quả tuyệt đối. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng nếu không được thiết kế tốt, mô phỏng có thể trở thành hoạt động mang tính hình thức [7]. Do đó, kết quả tích cực trong nghiên cứu này có thể phản ánh việc triển khai chương trình đã đạt mức độ tổ chức nhất định, nhưng vẫn cần được đánh giá sâu hơn về hiệu quả dài hạn đối với năng lực lâm sàng.

### 4.2. Các khía cạnh cần cân nhắc nhằm nâng cao hiệu quả thực hành bệnh nhân chuẩn

Một trong những vấn đề nổi bật trong nghiên cứu là sự mất cân đối giữa số lượng bệnh nhân chuẩn và sinh viên. So với các nước phát triển, nơi tỷ lệ bệnh nhân chuẩn/sinh viên được kiểm soát chặt chẽ [14], các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thường phải đối mặt với quy mô lớp học lớn và nguồn lực hạn chế. Điều này dẫn đến việc mỗi bệnh nhân chuẩn phải tương tác với nhiều sinh viên, làm giảm chất lượng trải nghiệm và khả năng cung cấp phản hồi chi tiết.

Thực trạng này có thể được giải thích bởi những hạn chế mang tính hệ thống. Theo Duong và cộng sự (2021) trên BMJ Innovations, giáo dục y khoa tại Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi, với nhiều thách thức liên quan đến nguồn lực, cơ sở hạ tầng và chuẩn hóa chương trình đào tạo [4]. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các mô hình đào

tạo tiên tiến như bệnh nhân chuẩn.

Bên cạnh đó, việc đào tạo bệnh nhân chuẩn chưa được chuẩn hóa cũng là một hạn chế quan trọng. Theo Lewis và cộng sự (2017), việc áp dụng các tiêu chuẩn thực hành tốt giúp đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy của mô phỏng [16]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, quy trình này còn khác biệt giữa các cơ sở đào tạo. Đồng thời, sự đa dạng trong nguồn tuyển chọn bệnh nhân chuẩn (điển viên chuyên nghiệp, người dân, nhân viên y tế) cũng có thể ảnh hưởng đến chất lượng thể hiện và phản hồi [15].

Ngoài ra, nhu cầu của sinh viên về việc tăng cường số lượng và đa dạng hóa tình huống lâm sàng là hoàn toàn hợp lý. Talwalkar và cộng sự (2020) nhấn mạnh rằng sự đa dạng tình huống là yếu tố then chốt giúp phát triển năng lực toàn diện [9]. Trong bối cảnh Việt Nam với mô hình bệnh tật đa dạng và đặc thù, việc xây dựng các kịch bản mô phỏng phù hợp với thực tiễn địa phương là đặc biệt cần thiết.

## 5. HẠN CHẾ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu của chúng tôi còn tồn tại một số hạn chế như sau. Thứ nhất, với thiết kế mô tả cắt ngang, nghiên cứu chỉ phản ánh mức độ hài lòng của sinh viên tại một thời điểm nhất định và chưa đánh giá được sự thay đổi theo thời gian. Thứ hai, phân tích định tính các ý kiến và đề xuất của sinh viên chủ yếu mang tính mô tả, chưa làm rõ mối liên quan giữa các ý kiến này với đặc điểm cá nhân của người tham gia.

## 6. KẾT LUẬN

Mức độ hài lòng của sinh viên đối với thực hành với bệnh nhân chuẩn cao (85,9%), với trên 75% sinh viên ghi nhận cải thiện kỹ năng, nâng cao sự tự tin và tính thực tế của tình huống lâm sàng; không có khác biệt theo năm học và giới tính. Tuy nhiên, các hạn chế chính gồm thiếu số lượng bệnh nhân chuẩn và chưa đồng đều trong tập huấn. Cần tăng số lượng, đa dạng hóa và chuẩn hóa đào tạo bệnh nhân chuẩn để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cook DA, Andersen DK, Combes JR, Feldman DL, Sachdeva AK. The value proposition of simulation-based education. *Surgery*. 2018;163(4):944-9.
2. Hillier M, Williams TL, Chidume T. Standardization of standardized patient training in medical simulation. 2020.
3. Weis JJ, Wagner J, Farr DE, Ginsburg C, Guttman O, Krumwiede KH, et al. The integration of a new simulation center within a Competency-Based Curriculum: an opportunity for holistic undergraduate medical education curriculum redesign. *MedEdPublish*. 2018;7:137.
4. Duong DB, Phan T, Trung NQ, Le BN, Do HM, Nguyen HM, et al. Innovations in medical education in Vietnam. *BMJ Innovations*. 2021;7(Suppl 1).
5. Hong HS, Issenberg SB, Roh YS. Effects of standardized patient-based training on surgical nurses' Competencies for managing hand injuries. *The Journal of Continuing Education in Nursing*. 2020;51(4):189-96.
6. Geoffroy PA, Delyon J, Strullu M, Dinh AT, Duboc H, Zafrani L, et al. Standardized patients or conventional lecture for teaching communication skills to undergraduate medical students: a randomized controlled study. *Psychiatry investigation*. 2020;17(4):299.
7. Flanagan OL, Cummings KM. Standardized patients in Medical Education: a review of the literature. *Cureus*. 2023;15(7).
8. Adamo G. Simulated and standardized patients in OSCEs: achievements and challenges 1992-2003. *Medical teacher*. 2003;25(3):262-70.
9. Talwalkar JS, Cyrus KD, Fortin AH. Twelve tips for running an effective session with standardized patients. *Medical Teacher*. 2020;42(6):622-7.
10. Nestel D, Bearman M. *Simulated patient methodology: theory, evidence and practice*: John Wiley & Sons; 2014.
11. Walker S, Weidner T, Armstrong KJ. Standardized patient encounters and individual case-based simulations improve students' confidence and promote reflection: a preliminary study. *Athletic Training Education Journal*. 2015;10(2):130-7.
12. Spencer J, Blackmore D, Heard S, McCrorie P, McHaffie D, Scherpbier A, et al. Patient-oriented learning: a review of the role of the patient in the education of medical students. *Medical education*. 2000;34(10):851-7.
13. Herge EA, Lorch A, DeAngelis T, Vause-Earland T, Mollo K, Zapletal A. The standardized patient encounter: A dynamic educational approach to enhance students' clinical healthcare skills. *Journal of Allied Health*. 2013;42(4):229-35.
14. Barzansky B, Etzel SI. Medical schools in the United States, 2017-2018. *JAMA*. 2018;320(10):1042-50.
15. Plaksin J, Nicholson J, Kundrod S, Zabar S, Kalet A, Altschuler L. The Benefits and Risks of Being a Standardized Patient: A Narrative Review of the Literature. *The Patient - Patient-Centered Outcomes Research*. 2016;9(1):15-25.
16. Lewis KL, Bohnert CA, Gammon WL, Hölzer H, Lyman L, Smith C, et al. The association of standardized patient educators (ASPE) standards of best practice (SOBP). *Advances in Simulation*. 2017;2:1-8.

17. Glassman PA, Luck J, O’Gara EM, Peabody JW. Using standardized patients to measure quality: evidence from the literature and a prospective study. *The Joint Commission journal on quality improvement*. 2000;26(11):644-53.

18. Howley LD. Standardized patients. *The*

*comprehensive textbook of healthcare simulation*. 2013:173-90.

19. Stillman PL, Ruggill JS, Rutala PJ, Sabers DL. Patient instructors as teachers and evaluators. *J Med Educ*. 1980;55(3):186-93.